

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bạch K, sinh năm 1979; địa chỉ: 85/1 khu phố B, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu T, sinh năm 1972; thường trú: Thôn II, xã A, huyện H, tỉnh T; tạm trú: Tổ 3, khu phố P, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bạch K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bạch K và ông Trần Hữu T có thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện P, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 177, quyển số 01 ngày 18/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng nhận thấy tính tình cũng như quan điểm sống không hợp

nhau, mâu thuẫn trong cuộc sống và các vấn đề khác trong đời sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, trước đây bà K đã nhẫn nhịn nhiều lần để gia đình êm thấm nhưng vẫn không được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung nên bà K làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hữu Mạnh N, sinh ngày 19/3/2017. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bạch K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, bà Lê Thị Bạch K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với bà K về quan hệ vợ chồng, ngày đăng ký kết hôn cũng như về con chung. Bà K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không quan tâm nhau, cuộc sống của ai người nấy lo là hoàn toàn không đúng. Vợ chồng hoàn toàn không có ly thân từ năm 2017 mà bà K mới về nhà cha mẹ đẻ ở rồi sau đó thuê nhà trọ ở riêng từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Gia đình hai bên không biết sự việc nên không có ý kiến gì. Nguyên nhân do bà K thường xuyên lên Facebook chat với bạn bè và hát karaoke, ông T có khuyên nhủ nếu có hát karaoke thì lên mạng Youtube nhưng bà K không đồng ý và cho rằng ông T vi phạm quyền riêng tư, ngoài ra, không còn lý do nào khác. Ông T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nào nghiêm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được như bà K trình bày. Ông T không đồng ý ly hôn với bà K vì ông vẫn còn thương vợ con, vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn nào trong đời sống chung.

Về con chung: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà K về con chung. Bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì ông T không đồng ý, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Hữu T đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương xác định ông Trần Hữu T có đăng ký tạm trú tại Tổ 3, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Về mâu thuẫn vợ chồng của bà K và ông T thì chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Bạch K có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Trần Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bạch K và ông Trần Hữu T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 177, quyền số 01 ngày 18/12/2002, là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Lê Thị Bạch K xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình cũng như quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn trong cuộc sống và các vấn đề khác trong đời sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, trước đây bà K đã nhẫn nhịn nhiều lần để gia đình êm ấm nhưng vẫn không được nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện tại vợ chồng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Nguyên đơn cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

[5] Bị đơn ông Trần Hữu T không đồng ý với lời trình bày của bà K. Theo ông T thì trong đời sống hôn nhân giữa ông với bà K chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không đến mức trầm trọng nhưng thừa nhận vợ chồng hiện tại không sống chung với nhau nữa.

[6] Xét thấy, bà K cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, bị đơn ông T không thừa nhận nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng

đoàn tụ và hiện tại vợ chồng đã ly thân. Mặt khác, ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, thái độ không mong muốn hàn gắn tình cảm. Do đó, có thể xác định mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà K yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hữu Mạnh N, sinh ngày 19/3/2017. Hiện nay, cháu N đang sống cùng bà K, điều kiện chăm sóc, giáo dục được đảm bảo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Hữu Mạnh N cho bà K được trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[11] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Trần Hữu T như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Bạch K được ly hôn với ông Trần Hữu T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Hữu Mạnh N, sinh ngày 19/3/2017 cho bà Lê Thị Bạch K được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị Bạch K và ông Trần Hữu T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Bạch K về việc không yêu cầu ông Trần Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bạch K phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005891 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga